

Số: 860/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 15 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2011;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 712/TTr-SNV ngày 16 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 2 (t/h);
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

ĐỀ ÁN
ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

*(Kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT

Cải cách hành chính là chủ trương quan trọng trong đường lối đổi mới của Đảng, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các bộ ngành, địa phương tổ chức thực hiện các mục tiêu của Chương trình đã đề ra. UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến quán triệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ và Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh. Theo đó, công tác cải cách hành chính (CCHC) những năm qua của tỉnh Bắc Kạn đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tuy nhiên công tác CCHC từ tỉnh đến cơ sở vẫn còn nhiều hạn chế, như: công tác chỉ đạo điều hành còn nhiều bất cập. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhưng Thủ trưởng một số đơn vị chưa thật sự vào cuộc dẫn đến kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC hiệu quả thấp; thủ tục hành chính (TTHC) trên nhiều lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp; trật tự, kỷ cương hành chính chưa nghiêm; chưa xây dựng được các cơ chế đặc thù để thu hút các nhà đầu tư vào các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh; đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều điểm yếu về phẩm chất, tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính; phong cách làm việc chậm đổi mới; tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu nhân dân còn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, công chức; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng theo vị trí việc làm và chức danh đảm nhiệm, nhất là đội ngũ cán bộ cấp xã. Tổng kết CCHC giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh theo Nghị quyết 30c của Chính phủ còn nhiều mục tiêu chưa đạt được, kết quả xếp hạng chỉ số CCHC của tỉnh đang ở vị trí cuối cùng trong cả nước (năm 2012: 58/63 tỉnh, thành; năm 2013: 58/63 tỉnh, thành; năm 2014: 63/63 tỉnh, thành).

CCHC đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 xác định là một trong bốn nhiệm vụ trọng tâm. Việc đẩy mạnh CCHC của tỉnh sẽ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao hiệu lực

hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện Chỉ số CCHC của tỉnh, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị. Do vậy, Đề án về đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2016 - 2020 là hết sức cần thiết và cấp bách, nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tháng 4 năm 2016.

II. CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;
- Luật Ngân sách năm 2015 (sửa đổi); Luật Cán bộ, công chức năm 2008;
- Luật Viên chức năm 2010; Luật Đầu tư công năm 2014;
- Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 01/8/2007 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước;
- Nghị Quyết số 02-NQ/ĐH ngày 17/10/2015 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn;
- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC;
- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;
- Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội;
- Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

- Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC;

- Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020;

- Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức”;

- Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

- Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư trụ sở cấp xã, phường bảo đảm yêu cầu CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước;

- Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về xác định Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 1383/QĐ-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt đề án “Xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”;

- Quyết định số 3982/QĐ-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án “Xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công”;

- Quyết định số 4448/QĐ-BYT ngày 6/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án “Xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập”;

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

- Nghị quyết số 19/2015/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của HĐND tỉnh Bắc Kạn Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, nghỉ việc chờ đủ tuổi nghỉ hưu;

- Chương trình hành động số 04-Ctr/TU ngày 15/01/2016 của Tỉnh ủy Bắc Kạn thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

- Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 26/4/ 2016 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2016 - 2020;

- Kế hoạch hành động số 424a/KH-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

- Quyết định 2121/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2020.

PHẦN I

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CCHC Ở TỈNH BẮC KẠN

GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

1.1. Về ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

Căn cứ nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ và tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh, hàng năm tỉnh đều ban hành kế hoạch CCHC năm để cụ thể hóa nội dung các lĩnh vực CCHC phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngoài ra, UBND tỉnh còn ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức, triển khai, thực hiện các nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh.

1.2. Về công tác kiểm tra việc thực hiện CCHC

Hàng năm, UBND tỉnh đều xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh. Trên cơ sở các kế hoạch kiểm tra của tỉnh, từ năm 2011 đến nay, tổ chức kiểm tra 24 cuộc với 45 đơn vị (gồm 09 sở, ngành; 08 huyện; 28 xã, phường, thị trấn).

1.3. Về công tác thông tin tuyên truyền về CCHC

Tỉnh đã ban hành kế hoạch thông tin tuyên truyền về CCHC trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2013 - 2015 (kèm theo Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 22/02/2013). Nội dung Kế hoạch chủ yếu tập trung vào tuyên truyền các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể và Kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh. Trên cơ sở kế hoạch tuyên truyền giai đoạn, hàng năm, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã xây dựng và phát trên sóng truyền hình mỗi tháng một chuyên mục về

CCHC; Công thông tin điện tử của tỉnh, Báo Bắc Kạn đã có các tin bài phản ánh tình hình thực hiện CCHC tại các ngành, các cấp trong tỉnh. Tổ chức Hội thi “Thanh niên với CCHC” tỉnh Bắc Kạn lần thứ II, bằng hình thức sân khấu hóa. In tờ rơi, áp phích niêm yết công khai quy trình giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trụ sở làm việc cơ quan hành chính các cấp thuộc tỉnh. Ngoài ra, nhiều cơ quan đã tổ chức lồng ghép tuyên truyền các nội dung liên quan đến công tác CCHC trong các buổi sinh hoạt tập thể của đơn vị (sinh hoạt Đảng, cơ quan, Công đoàn, Đoàn thanh niên). Qua tuyên truyền đã phần nào giúp cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân có được nhận thức đúng hơn về nội dung và tình hình thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh.

Để đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn. Từ năm 2013, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định về tiêu chí đánh giá xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã thuộc tỉnh Bắc Kạn, đồng thời UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2247/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015, để gắn công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng đối với người đứng đầu và tập thể đề nghị khen thưởng, thông qua việc xác định chỉ số CCHC hàng năm, được cấp có thẩm quyền công bố.

2. Về cải cách thể chế

Về cải cách thể chế, tỉnh chủ yếu ban hành các chế độ, chính sách của địa phương. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản QPPL có nội dung về thể chế quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, cải cách thủ tục hành chính và các cơ chế chính sách an sinh xã hội liên quan đến đời sống nhân dân. Nhiều chính sách đã thực sự đi vào cuộc sống có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (UBND tỉnh đã ban hành 47 Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 146 Quyết định, 28 Chỉ thị).

3. Về cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa một cửa liên thông

3.1. Về kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được quan tâm thực hiện thường xuyên. Từ năm 2011 đến nay UBND tỉnh đã ban hành 26 Quyết định có quy định mới về TTHC liên quan đến tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Các quyết định trước khi ban hành đều được thẩm định về sự cần thiết, tính hợp lý và hợp pháp để đảm bảo thuận tiện nhất cho tổ chức, công dân khi triển khai tổ chức, thực hiện.

3.2. Về đơn giản hóa TTHC: từ 2011 đến nay đã rà soát tổng số 634 TTHC, qua đó đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành đơn giản hóa 48 TTHC.

3.3 Về công bố, công khai TTHC, từ năm 2011 đến nay (tháng 5/2015) UBND tỉnh đã ban hành 87 quyết định công bố TTHC với tổng số 848 thủ tục (bao gồm TTHC ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ); các TTHC công bố đều đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và có văn bản đề nghị công khai gửi Cục Kiểm soát TTHC theo đúng quy định.

3.4. Về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được tỉnh quan tâm thực hiện. Năm 2014, tỉnh đã ban hành 14 Quyết định quy định danh mục TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành, các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn với tổng số TTHC đưa vào giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông là 819/1.368 thủ tục. Về số đơn vị thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đến nay toàn tỉnh có 122 xã, phường, thị trấn, 8/8 huyện, thành phố, 16/18 sở, ngành đã thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức (Ban Dân tộc và Thanh tra tỉnh do TTHC ít, UBND tỉnh chỉ đạo không thực hiện cơ chế một cửa tại hai đơn vị này); 01 sở thực hiện cơ chế một cửa liên thông (Sở Kế hoạch và Đầu tư liên thông với Cục Thuế tỉnh và Công an tỉnh trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh, cấp mã số thuế và con dấu cho các doanh nghiệp). Về Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, hiện nay UBND tỉnh đang chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện thí điểm tại UBND thành phố Bắc Kạn.

4. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính

4.1. Về chức năng, nhiệm vụ

Việc rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được tỉnh thực hiện thường xuyên. Từ năm 2011 - 2013 tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện được tỉnh triển khai thực hiện theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và Nghị định số 14/2008/NĐ-CP của Chính phủ. Từ năm 2014 đến nay, triển khai thực hiện theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành về tổ chức bộ máy, hiện nay cấp tỉnh có 18 cơ quan chuyên môn, cấp huyện có 13 phòng chuyên môn. Để giúp cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước, UBND tỉnh đã thành lập một số chi cục và tương đương, thành lập các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các cơ quan, đơn vị; hiện cả tỉnh có 03 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, 14 chi cục và tổ chức tương đương, 83 đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành, 361 đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy cấp tỉnh, cấp huyện được thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ (đảm bảo tính liên tục, ổn định trong hoạt động).

4.2. Về quản lý biên chế

Việc quản lý biên chế: biên chế công chức từ năm 2012 đến 2014 được Bộ Nội vụ giao 1.701 biên chế, với số biên chế này, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh giao hết cho các cơ quan, đơn vị và cơ bản đủ để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước. Biên chế viên chức (số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp

công lập) từ năm 2012 đến năm 2014, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh số biên chế viên chức là 10.231 người, năm 2015 do số trường, số lớp tăng ở bậc học mầm non, nên số lượng người làm việc tăng 231 người. Việc quản lý và sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cơ bản đáp ứng đủ các dịch vụ công và hiệu quả, đúng theo các quy định hiện hành.

4.3. Về phân cấp quản lý

Việc thực hiện phân cấp quản lý cho các sở và UBND cấp huyện trên một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng cơ bản, tài chính, đầu tư, tổ chức bộ máy, cán bộ công chức, viên chức.... Năm 2014, UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức (Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND về phân cấp quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước). Việc phân cấp quản lý đã tạo điều kiện cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Công tác kiểm tra đánh giá tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện về phân cấp quản lý được tỉnh lồng ghép trong các cuộc kiểm tra công tác CCHC.

5. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

5.1. Về xác định vị trí việc làm

Việc xác định vị trí việc làm trong cơ quan hành chính: căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của chính phủ; Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 28/02/2014 về xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, đơn vị hành chính. Qua đó 29/29 đơn vị hành chính đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, với tổng số vị trí việc làm là 1.937 vị trí; tổng biên chế được xác định là 1.860 biên chế, tăng 159 biên chế so với số biên chế đang sử dụng.

Việc xác định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập: căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, có 473/473 đơn vị (bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập; các đơn vị quản lý nhà nước, nhưng có sử dụng biên chế sự nghiệp và các tổ chức hội) xây dựng Đề án vị trí việc làm với tổng danh mục vị trí việc làm là 1.953 danh mục; tổng số người làm việc 12.375 người. Đến nay, Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức của tỉnh đã trình Bộ Nội vụ theo quy định. Hiện nay Đề án xác định vị trí việc làm công chức tỉnh Bắc Kạn đã được Bộ Nội vụ phê duyệt với 390 danh mục vị trí việc làm, Đề án vị trí việc làm của viên chức chưa được Bộ Nội vụ phê duyệt.

5.2. Về thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Việc tuyển dụng công chức, viên chức cho các cơ quan, đơn vị được quan tâm và từng bước đổi mới. Việc tuyển dụng công chức của tỉnh Bắc Kạn do UBND tỉnh thực hiện (chưa phân cấp cho các cơ quan, đơn vị). Từ khi Luật Cán bộ, công chức có hiệu lực thi hành, hàng năm tỉnh đều tổ chức tuyển dụng công chức theo hình thức xét tuyển. Từ năm 2011 đến năm 2014 tỉnh đã tuyển dụng mới được 298 công chức. Đối với tuyển dụng viên chức, UBND tỉnh đã phân cấp cho các sở, ngành, UBND cấp huyện thực hiện. Thực hiện Luật Viên chức năm 2010, hàng năm các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đều tổ chức tuyển dụng viên chức theo hình thức xét tuyển, từ năm 2011 đến năm 2014 tỉnh đã tuyển dụng 1.582 viên chức; các đơn vị đã thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng viên chức (trừ năm 2013 có một đơn vị vi phạm). Những năm gần đây, nhìn chung công chức, viên chức mới được tuyển dụng có chất lượng và đúng yêu cầu vị trí việc làm. Việc sử dụng biên chế công chức, viên chức được các đơn vị sử dụng đúng quy định để bố trí cho các bộ phận chuyên môn, hiệu suất sử dụng biên chế trung bình đạt trên 90% số biên chế được giao. Các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức được tỉnh thực hiện kịp thời, đúng tiêu chuẩn quy định.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được tỉnh chú trọng. Hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng với các loại hình và hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu thực tế. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã mở 98 lớp với 7.214 lượt cán bộ, công chức tham dự. Nhìn chung, số cán bộ, công chức qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, trình độ lý luận chính trị và tin học... từng bước được nâng lên, đặc biệt là cán bộ, công chức cấp xã. Xác định đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã giữ vị trí, vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nên tỉnh luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã tổ chức mở hơn 62 lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã, với hơn 5.050 lượt người tham gia. Đồng thời tổ chức 02 lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ hệ vừa học vừa làm cho cán bộ, công chức cấp xã theo học (01 lớp trung cấp xây dựng, 01 lớp đại học nông lâm). Ngoài ra, các đơn vị cấp xã còn tạo điều kiện cho cán bộ, công chức đi học các lớp đại học tại chức khác để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện nay toàn tỉnh có 473/1.211 cán bộ xã đạt trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (chiếm 39%); công chức có 1.168/1.269 người đạt trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (chiếm 92 %).

Việc thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh: trong 02 năm (năm 2012 và 2013), tỉnh đã tổ chức thi nâng ngạch công chức theo nguyên tắc cạnh tranh từ cán sự lên chuyên viên và tương đương. Kết quả năm 2012 có 69/78 công chức được nâng ngạch; năm 2013 có 53/67 công chức được nâng ngạch,

năm 2014, năm 2015 chưa được Bộ Nội vụ phê duyệt chỉ tiêu, nên chưa có căn cứ để tổ chức thực hiện.

Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp tỉnh chưa tổ chức được vì chưa có quy định về các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Việc tinh giản biên chế: căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch tinh giản biên chế của tỉnh, năm 2015 tinh giản được 122 đối tượng, trong đó: công chức 30, viên chức 12; cán bộ, công chức cấp xã 82; nghỉ theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 được 42 người (trong đó cấp xã 22 người). UBND tỉnh đang thực hiện việc rà soát viên chức ngành giáo dục, y tế, văn hóa để có kế hoạch tinh giản biên chế, đảm bảo nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức của tỉnh.

6. Về cải cách tài chính công

Việc thực hiện các quy định của Chính phủ về tài chính công (Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ), UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan hành chính các cấp thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính; chỉ đạo thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Đến nay 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện đã được giao thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP; có 307/462 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, có 2/2 đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh thực hiện tự chủ theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP. Các cơ quan, đơn vị được giao quyền tự chủ hàng năm đều chủ động xây dựng, ban hành các quy chế chi tiêu nội bộ, cân đối thu chi để tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức. Việc đẩy mạnh xã hội hóa các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập đã được tỉnh khuyến khích thành lập. Hiện tại các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập được thành lập chủ yếu là lĩnh vực giáo dục (thành lập trường dân lập, các cơ sở nuôi dạy trẻ....) và y tế (mở các phòng khám, chữa bệnh).

7. Về hiện đại hóa nền hành chính

7.1. Về ứng dụng và đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin

Việc ứng dụng và đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đã được đầu tư và cải thiện đáng kể. Hiện nay, 100% đơn vị hành chính nhà nước đã được triển khai Phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, mạng LAN, mạng INTERNET. Các hệ thống mạng của các cơ quan, đơn vị đều đã được lắp đặt thiết bị tường lửa nhằm đảm bảo an ninh mạng; 27 cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện có Cổng/Trang thông tin điện tử. Cổng thông tin điện tử của tỉnh cung cấp trên 1.800 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức 2; cung cấp 6 nhóm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; tại 5 huyện, thành phố triển khai hệ thống Chính quyền điện tử, 01 chuyên trang

dịch vụ công trực tuyến được liên kết tới mục “Một cửa điện tử” trên cổng thông tin điện tử của 5 đơn vị; 95% cán bộ, công chức cấp tỉnh và huyện được cấp hòm thư công vụ tại địa chỉ mail backan.gov.vn.

7.2. Về ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã triển khai thực hiện tại 15/18 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; 8/8 đơn vị hành chính cấp huyện. Đến nay, tổng số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã thực hiện ISO là 18/18 sở, ngành; cấp huyện 8/8 huyện, thành phố. Từ khi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 quy trình về giải quyết các TTHC tại các cơ quan, đơn vị được tiêu chuẩn hoá, công khai hoá để cán bộ, công chức và nhân dân biết để thực hiện; hệ thống hồ sơ tài liệu được kiểm soát chặt chẽ, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp ở những vị trí dễ tìm, dễ nhìn và dễ lấy.

7.3. Về xây dựng trụ sở làm việc

Việc đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính được tỉnh quan tâm thực hiện, đặc biệt là trụ sở làm việc cấp xã. Thực hiện Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch xây dựng trụ sở cấp xã, từ năm 2011 - 2015 tỉnh đã đầu tư 45 dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc cấp xã, từ nguồn vốn cân đối ngân sách của tỉnh và nguồn trung ương hỗ trợ có mục tiêu với tổng mức đầu tư hơn 180 tỷ đồng. Đến nay, 35 công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng; 10 công trình đang xây dựng, dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2016. Trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, hiện nay còn 60 trụ sở cấp xã có nhu cầu cải tạo nâng cấp và xây dựng mới.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những khó khăn, hạn chế

- Mặc dù hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành rất nhiều, nhưng khâu tổ chức thực hiện yếu, một số nội dung trong kế hoạch CCHC hàng năm tỉnh chưa bố trí được kinh phí để thực hiện, các nội dung trong kế hoạch tuyên truyền CCHC của tỉnh đã được triển khai thực hiện nhưng chưa phong phú, sâu rộng; chưa có sáng kiến hay trong triển khai, thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh.

- Một số đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản QPPL chưa tuân thủ theo đúng quy định của luật định nên chất lượng văn bản khi ban hành chưa đảm bảo, có văn bản phải sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, một số cơ chế khi xây dựng chưa sát với thực tế; chưa xây dựng được cơ chế đặc thù để thu hút các nhà đầu tư tại tỉnh.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm đến việc rà soát, đánh giá tác động về thủ tục hành chính, chậm trình cấp có thẩm quyền công bố các TTHC khi các bộ ngành Trung ương bổ sung chức năng, nhiệm vụ hoặc bãi bỏ thay thế

TTHC; việc kiến nghị cấp có thẩm quyền đơn giản hóa các TTHC chưa được người đứng đầu quan tâm, thực hiện; nhiều hồ sơ giải quyết chậm, người dân và doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để bổ sung hồ sơ, thậm chí phải cung cấp thêm giấy tờ ngoài quy định của pháp luật, gây ra sự lãng phí lớn về thời gian và kinh phí của tổ chức, cá nhân, nhất là các TTHC thuộc các lĩnh vực đất đai, đầu tư, cấp giấy phép xây dựng, gây sự bất bình trong nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân với các cơ quan nhà nước; việc niêm yết công khai TTHC còn sơ sài, hình thức, có nơi TTHC đã hết hiệu lực vẫn không thay thế, hình thức công khai chưa phong phú; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông chưa hiệu quả, còn mang tính hình thức, nhất là cấp xã, chưa chịu đổi mới, cơ bản vẫn giải quyết TTHC tại phòng làm việc và không viết phiếu hẹn cho người dân và doanh nghiệp, có nơi viết nhưng thời gian trả kết quả không đúng theo giấy hẹn, chưa ứng dụng phần mềm để giải quyết hồ sơ TTHC; số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông còn thấp; cơ sở vật chất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả còn nhiều thiếu thốn, đặc biệt là cấp xã; việc bố trí cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa phù hợp, việc cử cán bộ, công chức có chuyên môn yếu, ít kinh nghiệm để nhận hồ sơ TTHC dẫn đến không đủ khả năng thẩm định và giải thích cho cá nhân và tổ chức khi đến giao dịch, do vậy cá nhân và tổ chức phải đi lại nhiều lần, cá biệt có đơn vị cử hợp đồng lao động trực tại Bộ phận này.

- Thực hiện mô hình các cơ quan chuyên môn quản lý đa ngành, đa lĩnh vực đã giảm được đầu mối quản lý của UBND cấp tỉnh nhưng lại phát sinh thêm nhiều tổ chức bên trong (các chi cục, phòng chuyên môn), hiện nay có một số đơn vị sau khi có Thông tư hướng dẫn về quy định chức năng, nhiệm vụ lại tăng thêm về số lượng các phòng trực thuộc (như: Ban Dân tộc tăng từ 4 lên 5 phòng, Thành lập Văn phòng điều phối nông thôn mới...).

- Việc quy định mô hình chính quyền địa phương, gồm: chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã như hiện nay là khá phù hợp, tuy nhiên chính quyền cấp xã còn công kênh. Vì theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP thì trung bình cấp xã có từ 21 - 25 cán bộ, công chức; có 17 - 19 chức danh không chuyên trách. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính, nhưng số lượng người làm việc và hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước có 11 - 14 người. Mỗi xã trung bình có từ 250 - 300 người hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước.

- Việc sử dụng biên chế công chức còn nhiều bất cập, nhiều vị trí việc làm chưa phù hợp với cơ cấu ngành và trình độ chuyên môn đào tạo; việc sử dụng biên chế viên chức còn lãng phí, nhất là khối trường học, vì đặc thù của tỉnh ta là tỉnh miền núi, dân cư sống không tập trung, nhất là các xã miền núi vùng cao. Thực tế hiện nay trên địa bàn của tỉnh còn tồn tại một trường học có khoảng 20 - 35 học sinh,

trong khi đó vẫn phải có một bộ máy hoạt động gồm có đủ các bộ phận chức năng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Mô hình mỗi huyện có một trung tâm dạy nghề, trực thuộc UBND huyện và một Trung tâm giáo dục thường xuyên, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, sau một thời gian đi vào hoạt động, không mấy hiệu quả: Trung tâm dạy nghề các huyện, do có nguồn đầu tư theo dự án Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 nên được đầu tư trụ sở làm việc, các trang thiết bị, phương tiện cần thiết khác khá đầy đủ (trừ huyện Bạch Thông), nhưng do lượng người đi học nghề ít, nên không sử dụng hiệu suất cơ sở vật chất và các trang thiết bị đã được đầu tư; Trung tâm giáo dục thường xuyên muốn hoạt động được phải đi thuê địa điểm, do vậy rất khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, hiện mới chỉ có 2 đơn vị tách được bộ phận sự nghiệp ra khỏi chức năng quản lý nhà nước, để thành lập Trung tâm thể thao (huyện Ba Bể, thành phố Bắc Kạn); đối với Trạm khuyến nông cấp huyện, hiện nay mới có các huyện: Ba Bể, Na Rì, Pác Nặm tách được bộ phận khuyến nông, khuyến lâm ra khỏi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế ở thành phố Bắc Kạn) và bộ phận này trực thuộc Trung tâm khuyến nông, khuyến lâm tỉnh quản lý, còn lại vẫn thuộc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế ở thành phố Bắc Kạn). Do vậy khi thực hiện nhiệm vụ rất khó khăn, vì theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014, chức năng, nhiệm vụ của Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế ở thành phố Bắc Kạn) chỉ có chức năng quản lý nhà nước, không có chức năng sự nghiệp.

- Một số nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức trong Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ chưa được triển khai thực hiện (như chưa áp dụng phương pháp thi tuyển bằng phần mềm máy vi tính trong các kỳ thi tuyển công chức, viên chức; chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; chưa thi tuyển cạnh tranh các chức vụ giám đốc sở và tương đương trở xuống; chưa có chính sách thu hút người tài vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh...). Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, đơn vị hành chính đã được xây dựng nhưng số biên chế trong Đề án tăng lên so với số biên chế đang sử dụng. Việc tuyển dụng viên chức, còn có đơn vị chưa thực hiện đúng quy trình tuyển dụng nên gây bức xúc trong nhân dân. Việc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng còn ít so với yêu cầu. Số lượng cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn thấp, còn bất cập trong việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã sau khi đi học để nâng cao trình độ chuyên môn (cụ thể: công chức tự nguyện đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nhưng không đúng chuyên môn của vị trí, chức danh đang đảm nhiệm, đồng thời không được cấp có thẩm quyền cử đi học theo quy định, sau khi đã tốt nghiệp không được xếp ngạch theo trình độ đào tạo, điều này dẫn đến không khuyến khích được công chức nâng cao trình độ chuyên môn).

- Việc thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP về giao quyền tự chủ cho các đơn vị hành chính gặp nhiều khó khăn, số kinh phí tiết kiệm được để chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức còn thấp mặc dù đã tiết kiệm mức tối đa; một số nhiệm vụ được giao tăng thêm so với kế hoạch nhưng không có nguồn kinh phí bổ sung để thực hiện. Đối với việc thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP, một số cơ quan chủ quản chưa thực sự chỉ đạo quyết liệt trong việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Đối với cấp huyện việc triển khai thực hiện giao quyền tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP còn nhiều lúng túng.

- Các chương trình phần mềm đã được đầu tư nhưng chất lượng hoạt động thấp nên chưa được ứng dụng hiệu quả tại các đơn vị; hệ thống thư điện tử, mạng LAN, đường truyền INTERNET,... chưa được sử dụng đồng bộ; chưa triển khai thực hiện cơ chế xác thực văn bản điện tử (*chữ ký số*); việc khai thác, sử dụng những hệ thống Công/Trang thông tin điện tử, hệ thống dịch vụ công trực tuyến của người dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh thấp. Việc tự đánh giá nội bộ để khắc phục, phòng ngừa các điểm chưa phù hợp trong hệ thống ISO chưa được các đơn vị thực hiện thường xuyên. Một số cơ quan, đơn vị hành chính còn thiếu chỗ làm việc, đặc biệt là cấp xã.

2. Nguyên nhân

- Nhận thức của một số cấp ủy đảng, nhất là người đứng đầu về công tác CCHC chưa sâu, dẫn đến thiếu quan tâm trong việc chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện, chưa dành nguồn lực thích hợp cho công tác này.

- Do lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong việc xây dựng, thực hiện văn bản QPPL tại đơn vị; đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu xây dựng, kiểm tra văn bản QPPL chưa nghiên cứu sâu về công tác văn bản, khi xây dựng cơ chế chủ yếu theo quy định từ Trung ương mà chưa xuất phát từ thực tế của địa phương.

- Do một số cơ quan, đơn vị thiếu quan tâm, nhất là người đứng đầu đơn vị trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện, nên công tác cải cách TTHC chưa thực sự mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp.

- Thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư cơ sở vật chất như: trụ sở làm việc, các trang thiết bị cần thiết khác, hạ tầng công nghệ thông tin...

- Nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về ý nghĩa, vai trò của cải cách TTHC còn hạn chế, trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp, nhiều cán bộ, công chức vẫn chưa thực sự giải quyết công việc theo đúng nghĩa dịch vụ hành chính công là để phục vụ nhân dân.

- Do vị trí địa lý và trình độ dân trí chưa đồng đều, nhu cầu giải quyết TTHC của người dân và doanh nghiệp không lớn, chỉ tập trung ở những nơi trung tâm tỉnh, huyện, dẫn đến các huyện, các xã miền núi thực hiện cơ chế một cửa có nhiều

bất cập khi cử công chức trực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, có khi cả tuần không ai đến giao dịch, đối với trung tâm tỉnh như thành phố Bắc Kạn, nơi tập trung các cơ quan của tỉnh, của Trung ương đóng trên địa bàn, dân số đông, có nhiều doanh nghiệp nên nhu cầu giải quyết TTHC là rất lớn, bên cạnh đó số lượng công chức ít, lại chưa ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết hồ sơ TTHC nên giải quyết hồ sơ TTHC cho cá nhân và tổ chức thường xuyên không đúng hẹn, tồn đọng nhiều.

- Việc thành lập các cơ quan, chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập đều thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật, trong quá trình tổ chức thực hiện nhận thấy sự bất cập, nhưng do hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ ngành Trung ương chưa cụ thể và chưa đồng bộ, chưa kịp thời, nên chưa có căn cứ để thực hiện.

- Việc quản lý biên chế công chức, viên chức theo vị trí việc làm mới được tổ chức, triển khai và đây là việc khó chưa có trong tiền lệ của nền hành chính, do vậy phải mất một thời gian dài để cơ cấu lại đội ngũ công chức cho phù hợp với vị trí việc làm.

- Do người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa sâu sát trong công tác chỉ đạo thực hiện công việc; thiếu nguồn kinh phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý cán bộ; văn bản hướng dẫn của các bộ ngành ban hành chậm; một số văn bản hướng dẫn chưa được cụ thể, rõ ràng nên khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

- Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn thấp do nhiều nguyên nhân, như: những cán bộ cấp xã chưa có trình độ chuyên môn chủ yếu là cán bộ thuộc khối đảng, đoàn thể. Theo quy định điều lệ một số tổ chức đoàn thể, người đứng đầu các tổ chức này không cần nhất thiết phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chỉ cần có kinh nghiệm và uy tín trong các tổ chức hội là đủ điều kiện để bầu làm cán bộ; một số cán bộ đã có tuổi, nên ngại đi học để nâng cao trình độ chuyên môn; trong quá trình chuẩn bị nhân sự để bầu người đứng đầu các tổ chức này, một số cấp ủy chưa chú trọng đến người có trình độ chuyên môn.

- Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, do định mức chi quản lý hành chính thấp, dự toán giao ổn định trong cả thời kỳ nên việc thực hiện cơ chế tự chủ gặp nhiều khó khăn; hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương trong lĩnh vực này còn bất cập, chưa cụ thể, rõ ràng. Thậm chí còn phải thực hiện thêm nhiều nhiệm vụ phát sinh nhưng không được giao bổ sung kinh phí.

- Do nguồn kinh phí đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin, duy trì hệ thống ISO, xây dựng trụ sở làm việc của tỉnh còn thiếu; một số cán bộ lãnh đạo chưa nêu cao vai trò của người đứng đầu trong việc yêu cầu cán bộ, công chức đơn vị khai thác hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin đã được đầu tư; nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao, ngại thay đổi thói quen, phương thức làm việc truyền thống sang làm việc trên môi trường mạng. Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong người dân, tổ chức trên địa bàn tỉnh còn hạn chế do điều kiện kinh tế xã hội và thói quen.

